

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Tỉnh ủy Hà Tĩnh

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số
I	Dự toán chi thường xuyên giao đầu năm	115,294
1	Hoạt động của các cơ quan Đảng	115,294
1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	67,487
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	47,807
II	Trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên giành nguồn CCTL	4,969
1	Hoạt động của các cơ quan Đảng	4,969
1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	1,613
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	3,356
III	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước (III = I - II)	110,325
1	Hoạt động của các cơ quan Đảng	110,325
1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	65,874
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	44,451

Ghi chú:

- Dự toán mua sắm tài sản, trang thiết bị: 2.724 triệu đồng, cụ thể: Ban Tổ chức Tỉnh ủy: 135 triệu đồng, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy: 190 triệu đồng, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy: 706 triệu đồng, Ban Nội chính Tỉnh ủy: 504 triệu đồng, Văn phòng Tỉnh ủy: 932 triệu đồng, Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh: 257 triệu đồng.

- Dự toán sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng: Văn phòng Tỉnh ủy: 70 triệu đồng.

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Văn phòng UBND tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí			
II	Nguồn ngân sách nhà nước	95,288	3,381	91,907
	Bố trí chi cho các lĩnh vực:			
1	Quản lý nhà nước	89,450	2,972	86,478
	Kinh phí thực hiện tự chủ	38,672	2,043	36,629
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	50,778	929	49,849
2	Sự nghiệp khác	5,493	374	5,119
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1,651	30	1,621
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3,842	344	3,498
3	Sự nghiệp Đào tạo	345	35	310
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	345	35	310

Phân bổ chi tiết như sau:

- Chi QLNN: 89.450 triệu đồng, trong đó:
 - + Cơ quan VP UBND tỉnh: 78.542 triệu đồng, gồm: Quỹ lương, chi thường xuyên theo định mức: 18.274 triệu đồng; Quỹ tiền thưởng: 718 triệu đồng; Chi nghiệp vụ: 22.000 triệu đồng; chi mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị và cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình, thuê hàng hoá dịch vụ theo QĐ số 3065/QĐ-UBND ngày 06/12/2025 của UBND tỉnh: 26.550 triệu đồng; Kinh phí hoạt động của UBND, VP UBND tỉnh: 11.000 triệu đồng.
 - + Đảng uỷ UBND tỉnh: 10.908 triệu đồng, gồm: Quỹ lương, chi thường xuyên theo định mức: 5.198 triệu đồng; Quỹ tiền thưởng: 173 triệu đồng; Chi nghiệp vụ: 5.400 triệu đồng (trong đó có: Phụ cấp trách nhiệm cấp ủy, phụ cấp công tác bảo vệ Chính trị nội bộ, phụ cấp báo cáo viên: 2.906 triệu đồng; phụ cấp, chi hoạt động BCĐ 35: 300 triệu đồng; huy hiệu Đảng + khùng: 264 triệu đồng; Đoàn Thanh niên: 100 triệu đồng; nghiệp vụ chuyên môn công tác Đảng, chi hoạt động cấp uỷ: 1.830 triệu đồng; chi mua sắm trang thiết bị theo QĐ số 3065/QĐ-UBND ngày 06/12/2025 của UBND tỉnh: 137 triệu đồng;
- Chi sự nghiệp khác (Trung tâm Công báo tin học tỉnh): 5.493 triệu đồng, gồm: Quỹ lương, chi thường xuyên theo định mức: 1.651 triệu đồng; Quỹ tiền thưởng: 71 triệu đồng; Chi nghiệp vụ: 3.440 triệu đồng; chi mua sắm tài sản, trang thiết bị theo QĐ số 3065/QĐ-UBND ngày 06/12/2025 của UBND tỉnh: 331 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp đào tạo: Trung tâm Công báo tin học tỉnh: 345 triệu đồng

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí			
II	Nguồn ngân sách nhà nước	59,725	660	59,065
	Bố trí chi cho các lĩnh vực:			
	Quản lý nhà nước	59,725	660	59,065
	Kinh phí thực hiện tự chủ	16,761	560	16,201
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	42,964	100	42,864

Phân bổ chi tiết như sau:

- Chi QLNN: 59.725 triệu đồng, gồm: Quỹ lương, chi thường xuyên theo định mức: 11.761 triệu đồng; Quỹ tiền thưởng: 446 triệu đồng; Chi nghiệp vụ: 6.000 triệu đồng (trong đó có KP chi thực hiện chế độ, chính sách đối với người tham gia công tác xây dựng pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 197/2025/QH15: 1.865 triệu đồng); chi mua sắm tài sản, trang thiết bị theo QĐ số 3065/QĐ-UBND ngày 06/12/2025 của UBND tỉnh: 2.518 triệu đồng; Kinh phí hoạt động của HĐND tỉnh theo Nghị quyết số 82/2017/NQ-HĐND và KP hoạt động Đoàn ĐBQH: 39.000 triệu đồng (KP hoạt động HĐND tỉnh 33 tỷ đồng; KP hoạt động Đoàn ĐBQH 6 tỷ đồng).

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Sở Khoa học và Công nghệ

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí	265		
II	Nguồn ngân sách nhà nước	94,044	7,082	86,962
	Bố trí chi cho các lĩnh vực:			
1	Quản lý nhà nước	18,808	397	18,411
	Kinh phí thực hiện tự chủ	12,467	297	12,170
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	6,341	100	6,241
2	Sự nghiệp khoa học công nghệ và CDS	72,986	6,460	66,526
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	8,386		8,386
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN&CDS	64,600	6,460	58,140
3	Sự nghiệp Đào tạo	2,250	225	2,025
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2,250	225	2,025

Ghi chú:

- Chi QLNN: 18.808 triệu đồng, gồm: Quỹ lương, HĐ 111: 9494 triệu đồng; chi thường xuyên theo định mức: 2.973 triệu đồng; Quỹ tiền thưởng: 586 triệu đồng; Chi nghiệp vụ: 600 triệu đồng; BCD chuyển đổi số 400 triệu đồng; Chi mua sắm tài sản, trang thiết bị, sửa chữa, nâng cấp tài sản: 4.755 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp gồm: Sự nghiệp KHCN, đổi mới sáng tạo, CDS: 63.400 triệu đồng; thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ UB, nâng cao chỉ số DTI: 1.200 triệu đồng; sửa chữa 8.386 triệu (TT Kỹ thuật TCĐL chất lượng: 3.845 triệu đồng; TT Khoa học CN và CDS: 4.541 triệu đồng).

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí	100		
II	Nguồn ngân sách nhà nước	77,693	3,475	74,218
	Bố trí chi cho các lĩnh vực:			
1	Quản lý nhà nước	11,740	289	11,451
	Kinh phí thực hiện tự chủ	10,099	236	9,863
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	1,641	53	1,588
2	Sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch	65,903	3,181	62,722
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	28,388	479	27,909
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	37,515	2,702	34,813
3	Sự nghiệp Đào tạo	50	5	45
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	50	5	45

Ghi chú: (1) Chi QLNN bao gồm quỹ tiền lương, chi TX theo định mức 10.099 trđ; quỹ tiền thưởng 461 trđ; chi nghiệp vụ 530 trđ (trong đó BCD TĐĐK 130 trđ); mua sắm TS, trang thiết bị 650 trđ; (2) Chi sự nghiệp bao gồm quỹ tiền lương, chi TX theo định mức 28.388 trđ; quỹ tiền thưởng 1.593 trđ; chi nghiệp vụ 27.017 trđ; chi mua sắm TS, TTB 495 trđ; chi sửa chữa, cải tạo 8.410 trđ.

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Sở Tài chính

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí			
II	Nguồn ngân sách nhà nước	66,583	2,175	64,408
	Bố trí chi cho các lĩnh vực:			
1	Quản lý nhà nước	56,182	1,472	54,710
	Kinh phí thực hiện tự chủ	25,036	732	24,304
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	31,146	740	30,406
2	Sự nghiệp khác	8,831	546	8,285
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	3,641	77	3,564
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	5,190	469	4,721
3	Sự nghiệp Đào tạo	1,570	157	1,413
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1,570	157	1,413

Phân bổ chi tiết như sau:

- Chi QLNN (Sở Tài chính): 56.182 triệu đồng, gồm: Quỹ lương, chi thường xuyên theo định mức: 23.246 triệu đồng; Quỹ tiền thưởng: 978 triệu đồng; Chi nghiệp vụ: 9.000 triệu đồng; KP các ban chỉ đạo: 190 triệu đồng; chi mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị và cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình theo QĐ số 3065/QĐ-UBND ngày 06/12/2025 của UBND tỉnh: 18.268 triệu đồng; Kinh phí tổ chức đấu thầu MSTT; Hội đồng thẩm định giá đất, hội đồng tổ tụng hình sự, hội đồng tổ tụng dân sự và các nhiệm vụ khác: 4.500 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp khác (Trung tâm Dịch vụ tài chính và hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Hà Tĩnh): 8.831 triệu đồng, gồm: Quỹ lương, chi thường xuyên theo định mức: 3.641 triệu đồng; Quỹ tiền thưởng: 188 triệu đồng; Chi nghiệp vụ: 3.690 triệu đồng; KP hoạt động xúc tiến đầu tư: 1.000 triệu đồng; chi mua sắm tài sản, trang thiết bị theo QĐ số 3065/QĐ-UBND ngày 06/12/2025 của UBND tỉnh: 312 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp đào tạo: Sở Tài chính: 70 triệu đồng; Trung tâm Dịch vụ tài chính và hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Hà Tĩnh: 1.500 triệu đồng

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Sở Nông nghiệp và Môi trường

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí	41,323		
II	Nguồn ngân sách nhà nước	319,832	13,455	306,377
	Bố trí chi cho các lĩnh vực:			
1	Quản lý nhà nước	142,601	3,119	139,482
	Kinh phí thực hiện tự chủ	113,208	2,643	110,565
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	29,393	476	28,917
2	Sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác	155,101	8,123	146,978
3	Sự nghiệp môi trường	21,250	2,125	19,125
4	Sự nghiệp bảo đảm xã hội	200	20	180
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	200	20	180
5	Sự nghiệp Đào tạo	680	68	612
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	680	68	612

Phân bổ chi tiết như sau:

- Chi QLNN: 142.601 triệu đồng, gồm: Quỹ lương, chi thường xuyên theo định mức: 113.208 triệu đồng; Quỹ tiền thưởng: 3.645 triệu đồng; Chi nghiệp vụ: 5.278 triệu đồng; KP các ban chỉ đạo: 110 triệu đồng; chi mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị và cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình theo QĐ số 3065/QĐ-UBND ngày 06/12/2025 của UBND tỉnh: 20.360 triệu đồng.

- Chi sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác: 155.101 triệu đồng, gồm: kinh phí chi thường xuyên: 104.190 triệu đồng; Quỹ tiền thưởng: 3.873 triệu đồng; Hỗ trợ hoạt động của Văn phòng Thường trực Chỉ huy phòng, chống thiên tai : 1.400 triệu đồng; chi mua sắm tài sản, trang thiết bị theo QĐ số 3065/QĐ-UBND ngày 06/12/2025 của UBND tỉnh: 11.076 triệu đồng; Sự nghiệp kiểm lâm:14.590 triệu đồng; Sự nghiệp quản lý tài nguyên, đất đai: 19.972 triệu đồng.

- Chi sự nghiệp môi trường: 21.250 triệu đồng; - Chi sự nghiệp đào tạo: 680 triệu đồng

- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: 200 triệu đồng (Điều tra hộ nghèo, cận nghèo; cập nhật hộ nghèo, cận nghèo, hộ có mức sống TB vào phần mềm quản lý).

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Văn phòng Điều phối thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí			
II	Nguồn ngân sách nhà nước	3,852	116	3,736
	Bố trí chi cho các lĩnh vực:			
	Quản lý nhà nước	3,852	116	3,736
	Kinh phí thực hiện tự chủ	3,354	81	3,273
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	498	35	463

Phân bổ chi tiết như sau:

- Chi QLNN: 3.852triệu đồng, gồm: Quỹ lương, chi thường xuyên theo định mức: 3.354 triệu đồng; Quỹ tiền thưởng: 148 triệu đồng; Chi nghiệp vụ: 350 triệu đồng.

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Sở Công Thương

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí	200		
II	Nguồn ngân sách nhà nước	35,305	1,434	33,871
	Bố trí chi cho các lĩnh vực:			
1	Quản lý nhà nước	25,833	687	25,146
	Kinh phí thực hiện tự chủ	20,655	505	20,150
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	5,178	182	4,996
2	Sự nghiệp kinh tế	9,422	742	8,680
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	2,272	40	2,232
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	7,150	702	6,448
3	Sự nghiệp Đào tạo	50	5	45
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	50	5	45

Ghi chú: (1) Chi QLNN bao gồm quỹ tiền lương, chi TX theo định mức 20.655 trđ (VP Sở 9.363 trđ; CCQLTT 11.292 trđ) ; quỹ tiền thưởng 930 trđ (VP Sở 430 trđ; CCQLTT 500 trđ); chi nghiệp vụ 2.048 trđ (trong đó chi nghiệp vụ VP Sở 300 trđ; BCD xuất khẩu 120 trđ; chi nghiệp vụ CCQLTT 1.200 trđ; trang phục QLTT 228 trđ; BCD 389: 200 trđ); cchi sửa chữa, cải tạo CC QLTT 2.200 trđ; (2) Chi sự nghiệp bao gồm quỹ tiền lương, chi TX theo định mức 2.272 trđ; quỹ tiền thưởng 131 trđ; chi nghiệp vụ 7.019 trđ.

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Sở Giáo dục và Đào tạo

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí			
II	Nguồn ngân sách nhà nước	1,124,204	18,537	1,105,667
	Bổ trí chi cho các lĩnh vực:			
1	Quản lý nhà nước	15,722	370	15,352
	Kinh phí thực hiện tự chủ	13,928	370	13,558
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	1,794	0	1,794
2	Sự nghiệp giáo dục	1,061,797	18,167	1,043,630
3	Sự nghiệp Đào tạo	46,685	0	46,685
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	46,685	0	46,685

Phân bổ chi tiết như sau:

- Chi QLNN: 15.722 triệu đồng, gồm: Quỹ lương, chi thường xuyên theo định mức, HĐ 111: 13.928 triệu đồng; Quỹ tiền thưởng: 674 triệu đồng; Kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình theo QĐ số 3065/QĐ-UBND ngày 06/12/2025 của UBND tỉnh: 1.120 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp giáo dục: 1.061.797 triệu đồng, cụ thể:
 - + Quỹ lương, chi thường xuyên theo định mức, HĐ 111, các chế độ của giáo viên TD và GDQP, học bổng dân tộc nội trú: 859.151 triệu đồng, Quỹ tiền thưởng: 37.831 triệu đồng.
 - + Kinh phí mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị và cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình theo QĐ số 3065/QĐ-UBND ngày 06/12/2025 của UBND tỉnh: 136.895 triệu đồng.
 - + Chi nghiệp vụ đặc thù gồm: Thi tốt nghiệp THPT và các nhiệm vụ khác tỉnh giao 8.000 triệu đồng; Đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục 2.500 triệu đồng; Biên soạn, thẩm định tài liệu địa phương 300 triệu đồng; Hỗ trợ chi sự nghiệp chung của ngành: Thi học sinh giỏi, giáo viên giỏi; hội thi KHKT; sơ kết, tổng kết, khen thưởng và các nhiệm vụ khác tỉnh giao 8.450 triệu đồng; Kinh phí ôn thi tốt nghiệp THPT 8.670 triệu đồng (không trừ tiết kiệm kinh phí ôn thi tốt nghiệp THPT).
- Chi sự nghiệp đào tạo 46.685 triệu đồng, gồm: Kinh phí cấp bù miễn, giảm học phí theo quy định 40.000 triệu đồng; Kinh phí mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị và cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình theo QĐ số 3065/QĐ-UBND ngày 06/12/2025 của UBND tỉnh 6.685 triệu đồng. Riêng kinh phí đào tạo, tập huấn CBGV 7 tỷ (bổ trí tại Mục 9 PL 04 ban hành kèm theo QĐ số 3162/QĐ-UBND của UBND tỉnh), sẽ phân bổ sau khi có quyết định phê duyệt nhiệm vụ cụ thể của UBND tỉnh.

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Sở Ngoại vụ

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí			
II	Nguồn ngân sách nhà nước	17,302	1,322	15,980
	Bố trí chi cho các lĩnh vực:			
1	Quản lý nhà nước	16,802	1,272	15,530
	Kinh phí thực hiện tự chủ	4,910	115	4,795
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	11,892	1,157	10,735
2	Sự nghiệp Đào tạo	500	50	450
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	500	50	450

Phân bổ chi tiết như sau:

Chi QLNN: 16.802 triệu đồng, gồm:

Quỹ lương, chi thường xuyên theo định mức, HĐ 111: 4.910 triệu đồng; Quỹ tiền thưởng: 235 triệu đồng; Kinh phí đoàn ra, đoàn vào: 10.000 triệu đồng; Kinh phí các hoạt động nghiệp vụ đặc thù (công tác đối ngoại, kêu gọi viện trợ, tổ chức lễ Noel, các đoàn liên ngành đặc thù và các nhiệm vụ được giao): 1.300 triệu đồng; Kinh phí các Ban chỉ đạo gồm Ban công tác chính phủ 60 triệu đồng; BCD hội nhập quốc tế 60 triệu đồng; BCD công tác biên giới: 150 triệu; Kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình theo QĐ số 3065/QĐ-UBND ngày 06/12/2025 của UBND tỉnh: 87 triệu đồng.

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Thanh tra tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí			
II	Nguồn ngân sách nhà nước	42,255	949	41,306
	Bố trí chi cho các lĩnh vực:			
1	Quản lý nhà nước	42,215	945	41,270
	Kinh phí thực hiện tự chủ	32,296	799	31,497
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	9,919	146	9,773
2	Sự nghiệp Đào tạo	40	4	36
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	40	4	36

Phân bổ chi tiết như sau:

Chi QLNN: 42.215 triệu đồng, gồm: Quỹ lương, chi thường xuyên theo định mức, HĐ 111: 32.296 triệu đồng; Quỹ tiền thưởng: 1.326 triệu đồng; Chi nghiệp vụ đặc thù (kinh phí may sắm trang phục ngành thanh tra; kinh phí trích từ tiền thu hồi qua công tác thanh tra; kinh phí các đoàn PCTN và kiểm tra đột xuất trách nhiệm trong công tác giải quyết KTNC): 4.460 triệu đồng; Kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình theo QĐ số 3065/QĐ-UBND ngày 06/12/2025 của UBND tỉnh: 4.133 triệu đồng.

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Số Nội vụ

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí	270		
II	Nguồn ngân sách nhà nước	109,471	3,316	106,155
	Bố trí chi cho các lĩnh vực:			
1	Quản lý nhà nước	40,267	2,549	37,718
	Kinh phí thực hiện tự chủ	17,971	430	17,541
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	22,296	2,119	20,177
2	Sự nghiệp khác	34,700	116	34,584
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	2,064	40	2,024
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	32,636	76	32,560
3	Sự nghiệp bảo đảm xã hội	34,042	606	33,436
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	7,186	96	7,090
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	26,856	510	26,346
4	Sự nghiệp y tế	12	0	12
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	12	0	12
5	Sự nghiệp Đào tạo	450	45	405
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	450	45	405

Ghi chú:

- Trong QLNN đã bố trí kinh phí: Nghiệp vụ đặc thù 21.190 triệu đồng (gồm: các Ban chi đạo 350 triệu đồng; Quỹ thi đua khen thưởng 15.000 triệu đồng, Hỗ trợ, thăm hỏi các cơ sở tôn giáo; chức sắc, chức việc tôn giáo theo QĐ số 26/2014/QĐ-UBND 2.100 triệu đồng; Tặng quà chúc mừng người có uy tín là DTTS số nhân các ngày lễ, tết truyền thống theo Quyết định 12/2018/QĐ-TTg 50 triệu đồng; Kinh phí hoạt động quản lý nhà nước về tín ngưỡng tôn giáo 350 triệu đồng...; Bình đẳng giới, an toàn vệ sinh lao động, Quản lý việc làm, tiền lương, BHXH 800 triệu đồng và nghiệp vụ đặc thù khác 2.540 triệu đồng); Mua sắm tài sản, trang thiết bị 270 triệu đồng (Văn phòng Sở 200 triệu đồng; Ban Dân tộc tôn giáo 70 triệu đồng)

- Trong sự nghiệp khác đã bố trí nghiệp vụ đặc thù: 820 triệu đồng; mua sắm tài sản, trang thiết bị 251 triệu đồng; thuê hàng hóa, dịch vụ 31.449 triệu đồng

- Trong sự nghiệp đảm bảo xã hội đã bố trí kinh phí: thấp hương liệt sỹ và bà mẹ VNAH dịp tết Nguyên đán và ngày 27/7 , khung bằng TQGC, chi phí dâng hương tặng quà, in phong bì...1.000 triệu đồng; nghiệp vụ đặc thù 4.100 triệu đồng; mua sắm tài sản, trang thiết bị 500 triệu đồng (Trung tâm điều dưỡng người có công và bảo trợ xã hội 300 triệu đồng, Trung tâm Dịch vụ việc làm 200 triệu đồng); Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng 5.391 triệu đồng (Trung tâm điều dưỡng người có công và bảo trợ xã hội 2.291 triệu đồng; Trung tâm Dịch vụ việc làm 3.100 triệu đồng); Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng (NSTW) 15.553 triệu đồng.

- Trong sự nghiệp y tế đã bố trí kinh phí đóng BHYT cho người có công (NSTW) 12 triệu đồng

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Sở Xây dựng

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí	2,260		
II	Nguồn ngân sách nhà nước	129,707	800	128,907
	Bố trí chi cho các lĩnh vực:			
1	Quản lý nhà nước	22,902	405	22,497
	Kinh phí thực hiện tự chủ	16,128	380	15,748
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	6,774	25	6,749
2	Sự nghiệp kinh tế	106,755	390	106,365
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	106,755	390	106,365
3	Sự nghiệp Đào tạo	50	5	45
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	50	5	45

Ghi chú: (1) Chi QLNN bao gồm quỹ tiền lương, chi TX theo định mức 16.128 trđ; quỹ tiền thưởng 741 trđ; chi nghiệp vụ 250 trđ; mua sắm TS, trang thiết bị 790 trđ; chi sửa chữa, cải tạo 4.993 trđ (2) Chi sự nghiệp bao gồm chi sự nghiệp giao thông, xây dựng 2.700 trđ; chi tuyên truyền đảm bảo ATGT 1.200 trđ; chi mua sắm TS, TTB Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Hà Tĩnh 465 trđ; chi sửa chữa, cải tạo Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Hà Tĩnh 3.300 trđ; chi thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ, đường thủy nội địa địa phương 99.090 trđ.

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Sở Tư pháp

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí	4,300		
II	Nguồn ngân sách nhà nước	29,453	1,369	28,084
	Bố trí chi cho các lĩnh vực:			
1	Quản lý nhà nước	22,805	1,021	21,784
	Kinh phí thực hiện tự chủ	6,910	159	6,751
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	15,895	862	15,033
2	Sự nghiệp khác	6,608	344	6,264
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	3,208	61	3,147
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3,400	283	3,117
3	Sự nghiệp Đào tạo	40	4	36
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	40	4	36

Ghi chú:

- Chi QLNN: 22.805 triệu đồng, gồm: Quỹ lương, HĐ 111: 5.321 triệu đồng; chi thường xuyên theo định mức: 1.589 triệu đồng; Quỹ tiền thưởng: 314 triệu đồng; Chi phụ cấp theo NQ 197/2025/QH15: 1.778 triệu đồng; Chi nghiệp vụ, BCD: 620 triệu đồng; Chi mua sắm tài sản, sửa chữa, cải tạo: 5.183 triệu đồng; KP bổ trợ tư pháp, tuyên truyền giáo dục PL; mua hộ tịch, hộ khẩu, Xây dựng văn bản QPPL, Hỗ trợ PL cho DN, thực hiện NQ 66-NQ/TW, NQ 197/2025/QH15, Đa hỗ trợ phát triển nghề luật sư...: 8 tỷ đồng.

- Chi sự nghiệp gồm:

+ TT DV Đấu giá tài sản: 393 triệu đồng, gồm Quỹ lương 249 triệu đồng; chi thường xuyên: 66 triệu đồng; quỹ tiền thưởng: 18 triệu đồng; mua sắm tài sản: 60 triệu đồng.

+ TT Trợ giúp pháp lý nhà nước: Quỹ lương 2.349 triệu đồng; chi thường xuyên: 544 triệu đồng; Quỹ tiền thưởng: 163 triệu đồng; Nghiệp vụ đặc thù, TT ngành: 2.740 triệu đồng; HĐ phối hợp liên ngành TGPL 130 triệu đồng; Mua sắm tài sản 289 triệu đồng.

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Sở Y tế

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí	1,135		
II	Nguồn ngân sách nhà nước	673,243	11,055	662,188
	Bố trí chi cho các lĩnh vực:			
1	Quản lý nhà nước	22,942	849	22,093
	Kinh phí thực hiện tự chủ	17,100	409	16,691
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	5,842	440	5,402
2	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	606,715	9,611	597,104
3	Sự nghiệp bảo đảm xã hội	42,618	498	42,120
4	Sự nghiệp Đào tạo	968	97	871
III	Nguồn vốn viện trợ	2,518		
	Sự nghiệp bảo đảm xã hội (thực hiện ghi thu, ghi chi NSNN).	2,518		

Phân bổ chi tiết như sau:

1. Chi QLNN: 22.942 triệu đồng, gồm: Quỹ lương, chi thường xuyên theo định mức: 17.100 triệu đồng; Quỹ tiền thưởng: 760 triệu đồng; Chi nghiệp vụ: 4.400 triệu đồng; chi mua sắm tài sản, trang thiết bị: 682 triệu đồng.

2. Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: 606.715 triệu đồng, cụ thể:

- Khối tỉnh: 130.386 triệu đồng, gồm: chi thường xuyên 101.385 triệu đồng (Quỹ tiền lương và chi thường xuyên theo định mức: 70.327 triệu đồng, Quỹ tiền thưởng: 3.175 triệu đồng, chi chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật: 1.809 triệu đồng; chi nghiệp vụ: 19.219 triệu đồng, tăng chi cho y tế dự phòng: 5.000 triệu đồng; chi sự nghiệp dân số - KHHGĐ: 1.855 triệu đồng); chi mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị và cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình: 29.001 triệu đồng.

- Các trung tâm y tế: 476.329 triệu đồng, gồm: chi thường xuyên 425.845 triệu đồng (Quỹ tiền lương và chi thường xuyên theo định mức: 401.960 triệu đồng, Quỹ tiền thưởng: 19.934 triệu đồng, chi tiền trực TYT: 2.168 triệu đồng, chi sự nghiệp dân số - KHHGĐ: 1.783 triệu đồng); chi mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị và cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình: 49.165 triệu đồng; kinh phí thực hiện chính sách dân số theo Nghị quyết số 221: 1.319 triệu đồng.

3. Chi sự nghiệp bảo đảm xã hội từ nguồn ngân sách cấp: 42.618 triệu đồng, gồm: Quỹ tiền lương và chi thường xuyên theo định mức: 11.718 triệu đồng; Quỹ tiền thưởng: 565 triệu đồng; chi nuôi dưỡng đối tượng: 8.103 triệu đồng; chi các hoạt động chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, công tác xã hội, bảo trợ xã hội: 3.318 triệu đồng; chi mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị và cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình: 4.388 triệu đồng; kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị quyết số 117/2023/NQ-HĐND: 1.466 triệu đồng; kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị quyết số 181/2025/NQ-HĐND: 13.060 triệu đồng.

4. Chi sự nghiệp bảo đảm xã hội từ nguồn vốn viện trợ thực hiện dự án "Nhân rộng mô hình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái tại tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2025-2027" thuộc sự nghiệp bảo đảm xã hội: 2.518 triệu đồng, thực hiện ghi thu, ghi chi NSNN.

5. Chi sự nghiệp đào tạo: 968 triệu đồng.

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí			
II	Nguồn ngân sách nhà nước	23,606	880	22,726
	Bổ trí chi cho các lĩnh vực:			
1	Quản lý nhà nước	18,570	651	17,919
	Kinh phí thực hiện tự chủ	12,320	281	12,039
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	6,250	370	5,880
2	Sự nghiệp kinh tế	4,986	224	4,762
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	2,922	54	2,868
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2,064	170	1,894
3	Sự nghiệp Đào tạo	50	5	45
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	50	5	45

Phân bổ chi tiết như sau:

- Chi QLNN: 18.570 triệu đồng, gồm: Quỹ lương, chi thường xuyên theo định mức: 12.320 triệu đồng; Quỹ tiền thưởng: 558 triệu đồng; Chi nghiệp vụ: 3.700 triệu đồng; chi mua sắm tài sản, trang thiết bị: 1.992 triệu đồng.

- Chi sự nghiệp (TT Xúc tiến ĐT và cung ứng nhân lực KKT): 4.986 triệu đồng, gồm: Quỹ tiền lương và chi thường xuyên theo định mức: 2.922 triệu đồng, Quỹ tiền thưởng: 160 triệu đồng, chi nghiệp vụ: 1.700 triệu đồng; chi mua sắm tài sản, trang thiết bị: 204 triệu đồng.

.- Chi sự nghiệp đào tạo: 50 triệu đồng

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí			
II	Nguồn ngân sách nhà nước	55,233	1,829	53,404
	Bố trí chi cho các lĩnh vực:			
1	Quản lý nhà nước	42,244	1,600	40,644
	Kinh phí thực hiện tự chủ	30,615	718	29,897
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	11,629	882	10,747
2	Sự nghiệp khác	11,939	124	11,815
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	4,534	84	4,450
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	7,405	40	7,365
3	Sự nghiệp Đào tạo	1,050	105	945
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1,050	105	945

Ghi chú:

- Trong QLHC đã bố trí kinh phí thực hiện nghiệp vụ đặc thù:

MTTQ: 2.678 trđ bao gồm: Ban vận động cứu trợ 100 trđ; Ban vận động vì người nghèo 100trđ; Phụ cấp Ban TT, Ủy viên UBĐKCG tỉnh 208 trđ và các nhiệm vụ đặc thù 2.270trđ (bao gồm: Kinh phí sinh hoạt phí UVMTTQ theo QĐ 33/2014/QĐ-TTg; KP hoạt động tôn giáo, thăm hỏi theo QĐ 04/2024/QĐ-TTg; KP hoạt động HD tư vấn thuộc UBMTTQ tỉnh; Cuộc VĐ TĐĐKXD ĐSVH, xây dựng NTM, đô thị văn minh, Ban VĐ Người Việt dùng hàng Việt, hỗ trợ trang Web; Hỗ trợ giám sát và phản biện xã hội theo QĐ 217, 218/BCT; kinh phí đề án do MTTQ và các tổ chức chính trị thực hiện; kinh phí các hoạt động ngày đại đoàn kết toàn dân; tham dự Đại hội cấp trên, khen thưởng và nhiệm vụ khác); Mua sắm tài sản, trang thiết bị Văn phòng MTTQ tỉnh 1.103 trđ.

Công tác đoàn: 1.750trđ (gồm: Đại hội Hội liên hiệp thanh niên 350trđ; các nhiệm vụ đặc thù khác 1.400 trđ (Ngày 26/3; ngày sinh viên; hội thi tin học trẻ; khen thưởng đoàn, đội; hiến máu; tiếp sức mùa thi; trung thu cho em;tổ chức các cuộc thi; tổ chức các ngày kỷ niệm, kinh phí tham dự các đại hội và các nhiệm vụ khác)

Công tác phụ nữ: 2.600trđ (gồm: Kinh phí thực hiện các ĐA 938, Đối ứng DA Phòng, chống mua, bán người và di cư trái phép ; Hỗ trợ xây dựng mô hình câu lạc bộ gia đình 5 có...; Đề án 01-Hỗ trợ HTX do PN tham gia quản lý; Các hoạt động trọng tâm, gấp mặt cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý, Kỷ niệm ngày 20/10, 8/3, tham dự đại hội trung ương và các nhiệm vụ khác)

Công tác cựu chiến binh:640trđ (gồm: Tham dự hội nghị trung ương, các tỉnh Đoàn ra-làm việc hội CCB tỉnh Bôly kham xay; tham dự đại hội và nhiệm vụ khác)

Công tác nông dân:1.300trđ (Gồm: Triển khai Đề án theo Kế hoạch 284/KH-UBND; Đối thoại Chủ tịch UBND tỉnh với nông dân, tham dự đại hội trung ương và các nhiệm vụ khác)

- Trong sự nghiệp đã bố trí kinh phí thực hiện nghiệp vụ đặc thù: Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi tỉnh (kinh phí các hoạt động thanh thiếu nhi theo HD 215/HĐĐTW 300trđ; mua sắm tài sản, trang thiết bị 86trđ; Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng 2.850trđ); bổ sung công tác phí do địa bàn xa Tổng đội Tây Sơn 50trđ, Tổng đội Phúc Trạch 50trđ); Ban quản lý Khu di tích Ngã ba Đồng Lộc và Khu tưởng niệm Lý Tự Trọng 3.800 trđ kinh phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng

- Trong sự nghiệp đào tạo: 1.050 trđ (trong đó MTTQ 900 trđ, Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi 150trđ).

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**ĐƠN VỊ: Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh Hà Tĩnh***(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Nội dung	Tổng số
I	Dự toán chi thường xuyên giao đầu năm	83,310
1	Hoạt động của các cơ quan Đảng	83,310
1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	14,812
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	68,498
II	Trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên giành nguồn CCTL	600
1	Hoạt động của các cơ quan Đảng	600
1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	253
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	347
III	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước (III = I - II)	82,710
1	Hoạt động của các cơ quan Đảng	82,710
1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	14,559
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	68,151

Ghi chú: dự toán chi tiết mua sắm tài sản, trang thiết bị, thuê hàng hóa, dịch vụ 15.419 triệu đồng, trong đó:
Mua sắm tài sản, trang thiết bị: 6.382 triệu đồng; thuê hàng hóa, dịch vụ: 9.037 triệu đồng.

PHỤ LỤC. GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**Đơn vị: Công an tỉnh***(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)***Đơn vị tính: Triệu đồng**

TT	Nội dung	Tổng số
	TỔNG DỰ TOÁN GIAO (SỰ NGHIỆP AN NINH)	90,382
A	Kinh phí thực hiện tự chủ	0
B	Kinh phí không thực hiện tự chủ	90,382
I	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi của NSDP đối với lĩnh vực an ninh, trật tự và an toàn xã hội	49,787
1	Phòng chống tham nhũng, chống buôn lậu, gian lận thương mại; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc	3,645
2	Quản lý vận chuyển, sử dụng vũ khí, chất nổ, chất dễ cháy, chất độc, chất phóng xạ và quản lý các ngành kinh doanh đặc biệt theo quy định của pháp luật	407
3	Quản lý việc cư trú, đi lại của người nước ngoài tại địa phương	600
4	Chi công tác phòng cháy và chữa cháy	1,500
5	Công tác quản lý, giáo dục, giúp đỡ người chấp hành xong án phạt tù tái hòa nhập cộng đồng	1,450
6	Công tác lập hồ sơ đưa đối tượng vào cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng bắt buộc; chi hoạt động tạm giữ hành chính người và tài sản	1,700
7	Thực hiện công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế và quản lý, bảo vệ biên giới	1,900
8	Phòng, chống tội phạm; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng, chống ma túy; chi đền bù và trợ cấp đối với cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức tham gia phòng, chống ma túy bị thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản theo quy định của pháp luật; phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực môi trường	37,555
9	Sơ kết, tổng kết và khen thưởng đơn vị, tổ chức, cá nhân có thành tích trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc	530
10	Công tác quản lý, giáo dục đối tượng vi phạm pháp luật, người chấp hành án phạt khác tại xã, phường, thị trấn	500
II	Kinh phí NSDP hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ chi thuộc lĩnh vực an ninh của Ngân sách Trung ương	40,595
1	Chi phục vụ công tác phối hợp với các lực lượng trong đảm bảo an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và nhiệm vụ quốc phòng tại địa phương; hỗ trợ cho hoạt động của lực lượng Công an xã	14,570
2	Đầu tư xây dựng, cải tạo và sửa chữa trụ sở làm việc, đồn, trạm, trại tạm giam, nhà tạm giữ; mua sắm trang thiết bị phương tiện nghiệp vụ, trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn cho lực lượng Công an; Đảm bảo trật tự an toàn giao thông	23,118
3	Các nhiệm vụ tham gia khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ đảm bảo an ninh, quốc phòng đột xuất phát sinh trên địa bàn	500
4	Các nhiệm vụ đảm bảo an ninh và trật tự, an toàn xã hội khác	2,407
-	Kinh phí tặng kèm huy hiệu Đảng	25

TT	Nội dung	Tổng số
-	Kinh phí thực hiện Đề án 06/CP	1,000
-	Kinh phí thực hiện Chính sách hỗ trợ người cai nghiện ma túy; người được giao nhiệm vụ hỗ trợ cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng và trợ cấp đặc thù đối với viên chức, người lao động làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập theo Nghị quyết số 117/2023/NQ-HĐND	1,382

Ghi chú:

- Việc phân bổ, giao dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016, Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 14/5/2020 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh; các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định khác có liên quan.

- Công an tỉnh chịu trách nhiệm phân bổ, giao dự toán chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ của dự toán ngân sách được giao cho các đơn vị trực thuộc trước ngày 31/12/2025; gửi kết quả phân bổ về Sở Tài chính và Kho bạc nhà nước nơi giao dịch. Trường hợp phát hiện việc phân bổ không đúng tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ của dự toán ngân sách được giao, không đúng chính sách, chế độ quy định thì chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, Sở Tài chính yêu cầu Công an tỉnh điều chỉnh lại.

- Đối với nhiệm vụ chi xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa và mua sắm tài sản thuộc nhiệm vụ chi thường xuyên: Công an tỉnh chịu trách nhiệm quản lý sử dụng nguồn kinh phí đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch và theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Đấu thầu và các quy định pháp luật có liên quan.

- Giao Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Khu vực XII theo lĩnh vực quản lý thực hiện cấp phát, kiểm soát chi theo quy định. Đối với các nhiệm vụ chi có tính chất thường xuyên được chia đều trong năm để chi; các nhiệm vụ chi xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, mua sắm tài sản thuộc nhiệm vụ chi thường xuyên và các khoản chi không thường xuyên khác được đảm bảo nguồn thanh toán theo tiến độ thực hiện và trong phạm vi dự toán được giao./.

PHỤ LỤC. GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**Đơn vị: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh***(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)***Đơn vị tính: Triệu đồng**

TT	Nội dung	Dự toán tính giao năm 2026
	TỔNG DỰ TOÁN GIAO (SỰ NGHIỆP QUỐC PHÒNG)	278,720
A	Kinh phí thực hiện tự chủ	
B	Kinh phí không thực hiện tự chủ (I+II), gồm:	278,720
I	Kinh phí ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định để thực hiện Luật DQTV (Tổ chức và hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ)	108,050
1	Huy động, đảm bảo chế độ cho lực lượng dân quân tự vệ thực hiện các nhiệm vụ; tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện quân sự, hội thi, hội thao diễn tập và các nhiệm vụ khác	49,650
2	Trang phục Dân quân tự vệ	29,100
3	Dụng cụ hỗ trợ cho DQTV	19,300
4	Các nhiệm vụ, CDCS khác về DQTV	10,000
II	Kinh phí ngân sách địa phương hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quốc phòng	170,670
1	Kinh phí hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ theo quy định	84,920
-	Thực hiện nhiệm vụ hậu cần tại chỗ	38,000
-	Tổ chức và huy động lực lượng dự bị động viên thuộc nhiệm vụ chi của địa phương	21,000
-	Thực hiện nghĩa vụ quân sự và công tác tuyển quân; Kinh phí huy hiệu đảng (172 triệu đồng)	9,920
-	Thực hiện chính sách hậu phương quân đội và chính sách đối với lực lượng vũ trang nhân dân ở địa phương (gồm: Thăm quà các cán bộ, chiến sĩ xuất ngũ, nhập ngũ, làm nhiệm vụ ở Lào, biên giới hải đảo, nhà giàn DK1)	8,500
-	Hoạt động Ban chỉ đạo An toàn làm chủ	400
-	Hoạt động Hội đồng GDAN-QP	400
-	Công tác phòng không nhân dân, quân báo nhân dân; hoạt động tổ chức cơ sở Đảng	1,200
-	Thực hiện công tác quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, chủ quyền, quyền chủ quyền của các vùng biển; sửa chữa, bảo dưỡng đường tuần tra biên giới, biển cảnh báo biên giới, công trình bảo vệ cột mốc biên giới; Chi công tác động viên công quốc phòng	500
-	Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ các mục tiêu chính trị, kinh tế, xã hội và các công trình quốc phòng, khu quân sự theo phân cấp	1,000

TT	Nội dung	Dự toán tỉnh giao năm 2026
-	Bảo đảm nguồn nhân lực, tàu thuyền, phương tiện dân sự và thực hiện huy động tham gia bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền các vùng biển	4,000
2	Kinh phí hỗ trợ đào tạo	7,750
-	Công tác bồi kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng và các nhiệm vụ đào tạo khác	2,550
-	Chế độ, chính sách đối với sĩ quan dự bị và học viên đào tạo sĩ quan dự bị	5,200
3	Kinh phí hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định	78,000
-	Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các sở chỉ huy, trụ sở làm việc, doanh trại, kho tàng, trung tâm huấn luyện DBĐV và mua sắm, sửa chữa các loại trang thiết bị, phương tiện hoạt động của cơ quan Bộ chỉ huy, các đơn vị trực thuộc	24,000
-	Xây dựng điểm chốt chiến đấu, nhà trực của DQTV theo Đề án của tỉnh (Giai đoạn 2)	6,000
-	Hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ tuần tra đảo Sơn Dương; hỗ trợ các đơn vị trực thuộc quân đội thực hiện sửa chữa CSVC, mua sắm trang bị, phương tiện hoạt động. Thực hiện công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế	6,000
-	Kinh phí chuẩn bị động viên	42,000

Ghi chú:

- Việc phân bổ, giao dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo đúng quy định Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016, Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 14/5/2020 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh; các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định khác có liên quan.
- BCH Quân sự tỉnh chịu trách nhiệm phân bổ, giao dự toán chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ của dự toán ngân sách được giao cho các đơn vị trực thuộc trước ngày 31/12/2025; gửi kết quả phân bổ về Sở Tài chính và Kho bạc nhà nước nơi giao dịch. Trường hợp phát hiện việc phân bổ không đúng tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ của dự toán ngân sách được giao, không đúng chính sách, chế độ quy định thì chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, Sở Tài chính yêu cầu BCH Quân sự tỉnh điều chỉnh lại.
- Đối với nhiệm vụ chi xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa và mua sắm tài sản thuộc nhiệm vụ chi thường xuyên: BCH Quân sự tỉnh chịu hoàn toàn trách nhiệm quản lý sử dụng nguồn kinh phí đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch và theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Đấu thầu và các quy định pháp luật có liên quan.
- Giao Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực XII theo lĩnh vực quản lý thực hiện cấp phát, kiểm soát chi theo quy định. Đối với các nhiệm vụ chi có tính chất thường xuyên được chia đều trong năm để chi; các nhiệm vụ chi xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, mua sắm tài sản thuộc nhiệm vụ chi thường xuyên và các khoản chi không thường xuyên khác được đảm bảo nguồn thanh toán theo tiến độ thực hiện và trong phạm vi dự toán được giao./.

PHỤ LỤC. GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán tỉnh giao năm 2026
	TỔNG DỰ TOÁN GIAO (SỰ NGHIỆP QUỐC PHÒNG)	26,600
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	26,600
	Chi công tác biên phòng, biên giới (trong đó: kinh phí vận hành cụm thông tin Cầu Treo 600 triệu đồng)	26,600

Ghi chú:

- Việc phân bổ, giao dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo đúng quy định Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016, Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 14/5/2020 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh; các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định khác có liên quan.
- BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh chịu trách nhiệm phân bổ, giao dự toán chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ của dự toán ngân sách được giao cho các đơn vị trực thuộc trước ngày 31/12/2025; gửi kết quả phân bổ về Sở Tài chính và Kho bạc nhà nước nơi giao dịch. Trường hợp phát hiện việc phân bổ không đúng tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ của dự toán ngân sách được giao, không đúng chính sách, chế độ quy định thì chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, Sở Tài chính yêu cầu BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh điều chỉnh lại.
- Đối với nhiệm vụ chi xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa và mua sắm tài sản thuộc nhiệm vụ chi thường xuyên: BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh chịu hoàn toàn trách nhiệm quản lý sử dụng nguồn kinh phí đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch và theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Đấu thầu và các quy định pháp luật có liên quan.
- Giao Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực XII theo lĩnh vực quản lý thực hiện cấp phát, kiểm soát chi theo quy định. Đối với các nhiệm vụ chi có tính chất thường xuyên được chia đều trong năm để chi; các nhiệm vụ chi xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, mua sắm tài sản thuộc nhiệm vụ chi thường xuyên và các khoản chi không thường xuyên khác được đảm bảo nguồn thanh toán theo tiến độ thực hiện và trong phạm vi dự toán được giao./.

PHỤ LỤC. GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Bảo hiểm xã hội tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán tỉnh giao năm 2026
	TỔNG DỰ TOÁN GIAO (SỰ NGHIỆP Y TẾ)	710,000
	BHYT người nghèo, DTTS, vùng khó khăn, người đang sinh sống tại vùng ĐBK; Đối tượng CCB, TNXP, trẻ em, cận nghèo, nông lâm ngư, diêm nghiệp, các đối tượng khác; các nhiệm vụ khác theo quy định	710,000

Ghi chú:

- Việc phân bổ, giao dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn ngân sách nhà nước bố trí, hỗ trợ thực hiện chế độ, chính sách về BHYT, BHXH theo đúng quy định Luật Ngân sách nhà nước, Luật Bảo hiểm y tế, Luật Bảo hiểm xã hội, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn, Nghị quyết của HĐND tỉnh và các quy định khác có liên quan.
- Giao Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực XII theo lĩnh vực quản lý thực hiện cấp phát theo tiến độ thực hiện và trong phạm vi dự toán được giao, kiểm soát chi theo quy định./.

PHỤ LỤC. GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Hà Tĩnh

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán tỉnh giao năm 2026
	TỔNG DỰ TOÁN GIAO <i>(Chi khác ngân sách)</i>	570
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	570
-	<i>Kinh phí vận hành Trạm thủy văn Sơn Kim, Hương Trạch</i>	<i>570</i>

Ghi chú: Giao Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Khu vực XII tỉnh theo lĩnh vực quản lý thực hiện cấp phát theo tiến độ thực hiện và trong phạm vi dự toán được giao, kiểm soát chi theo quy định./.

PHỤ LỤC. GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán tỉnh giao năm 2026
	TỔNG DỰ TOÁN GIAO <i>(Chi khác ngân sách)</i>	800
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	800
-	<i>Kinh phí phối hợp thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn</i>	<i>800</i>

Ghi chú: Giao Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Khu vực XII tỉnh theo lĩnh vực quản lý thực hiện cấp phát theo tiến độ thực hiện và trong phạm vi dự toán được giao, kiểm soát chi theo quy định./.

PHỤ LỤC. GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán tỉnh giao năm 2026
	TỔNG DỰ TOÁN GIAO <i>(Chi khác ngân sách)</i>	1,100
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	1,100
-	<i>Kinh phí phối hợp thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn</i>	<i>1,100</i>

Ghi chú: Giao Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Khu vực XII tỉnh theo lĩnh vực quản lý thực hiện cấp phát theo tiến độ thực hiện và trong phạm vi dự toán được giao, kiểm soát chi theo quy định./.

PHỤ LỤC. GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán tỉnh giao năm 2026
	TỔNG DỰ TOÁN GIAO <i>(Chi khác ngân sách)</i>	800
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	800
-	<i>Kinh phí phối hợp thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn</i>	<i>800</i>

Ghi chú: Giao Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Khu vực XII theo lĩnh vực quản lý thực hiện cấp phát theo tiến độ thực hiện và trong phạm vi dự toán được giao, kiểm soát chi theo quy định./.

PHỤ LỤC. GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Thống kê tỉnh Hà Tĩnh

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán tỉnh giao năm 2026
	TỔNG DỰ TOÁN GIAO <i>(Chi khác ngân sách)</i>	700
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	700
-	<i>Kinh phí phối hợp thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn</i>	<i>700</i>

Ghi chú: Giao Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Khu vực XII theo lĩnh vực quản lý thực hiện cấp phát theo tiến độ thực hiện và trong phạm vi dự toán được giao, kiểm soát chi theo quy định./.

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Liên minh Hợp tác xã

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí			
II	Tổng số	3,956	68	3,888
	Bố trí chi cho các lĩnh vực:			
	Quản lý nhà nước	3,956	68	3,888
	Kinh phí thực hiện tự chủ			
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	3,956	68	3,888

Ghi chú: Kinh phí thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế tập thể, Hợp tác xã 200 triệu đồng.

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Hội Nhà báo Hà Tĩnh

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí			
II	Nguồn ngân sách nhà nước	2,179	124	2,055
	Bố trí chi cho các lĩnh vực:			
1	Quản lý nhà nước	2,129	119	2,010
	Kinh phí thực hiện tự chủ			
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	2,129	119	2,010
2	Sự nghiệp Đào tạo	50	5	45
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	50	5	45

Ghi chú: Đại hội 250 triệu đồng; giải thưởng báo chí Trần Phú 400 triệu đồng; hỗ trợ tạp chí "Hà Tĩnh người làm báo" 120 triệu đồng; kinh phí hoạt động trang thông tin điện tử, ngày báo chí... 300 triệu đồng;

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Liên hiệp các hội Khoa học kỹ thuật Hà Tĩnh

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí			
II	Tổng số	2,666	92	2,574
	Bố trí chi cho các lĩnh vực:			
	Quản lý nhà nước	2,666	92	2,574
	Kinh phí thực hiện tự chủ			
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	2,666	92	2,574

Ghi chú: Kinh phí tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học kỹ thuật 300 triệu đồng; tư vấn, phản biện khoa học: 150 triệu đồng; Đại hội 250 triệu đồng

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Hà Tĩnh

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí			
II	Tổng số	4,785	83	4,702
	Bố trí chi cho các lĩnh vực:			
1	Quản lý nhà nước	4,735	78	4,657
	Kinh phí thực hiện tự chủ			
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	4,735	78	4,657
2	Sự nghiệp Đào tạo	50	5	45
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	50	5	45

Ghi chú: Đại hội 250 triệu đồng; Hỗ trợ tạp chí Hồng Lĩnh 660 triệu đồng; Kinh phí trang web..100 triệu đồng; thuê hàng hóa, dịch vụ 528 triệu đồng.

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Hội Chữ thập đỏ tỉnh Hà Tĩnh

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí			
II	Nguồn ngân sách nhà nước	6,174	175	5,999
	Bố trí chi cho các lĩnh vực:			
	Quản lý nhà nước	6,174	175	5,999
	Kinh phí thực hiện tự chủ			
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	6,174	175	5,999

Ghi chú: Đại hội 250 trđ; Kinh phí tổ chức các hoạt động hiến máu tình nguyện (Hành trình đỏ; Lễ hội Xuân Hồng; tuyên truyền vận động hiến máu, hiến mô; Tập huấn hiến máu tình nguyện...): 300 triệu đồng; Ban chỉ đạo hiến máu tình nguyện 50 triệu đồng; KP phòng ngừa, ứng phó thảm họa; tổ chức vận động nguồn lực, vận chuyển hàng cứu trợ, đón tiếp các nhà tài trợ..; Kinh phí xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình do Trung ương Hội chỉ đạo triển khai ; các hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức chăm sóc sức khỏe người dân: 300 triệu đồng; tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức về công tác nhân đạo 100 triệu đồng.

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Hội Người mù tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí			
II	Nguồn ngân sách nhà nước	5,998	69	5,929
	Bổ trí chi cho các lĩnh vực:			
	Quản lý nhà nước	5,998	69	5,929
	Kinh phí thực hiện tự chủ			
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	5,998	69	5,929

Ghi chú: Kinh phí đào tạo, công tác hội cho người mù 350 triệu đồng.

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Hội Đông y tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí			
II	Nguồn ngân sách nhà nước	1,077	16	1,061
	Bố trí chi cho các lĩnh vực:			
	Quản lý nhà nước	1,077	16	1,061
	Kinh phí thực hiện tự chủ			
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	1,077	16	1,061

Ghi chú: Đại hội 100 triệu đồng

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Hội Luật gia tỉnh Hà Tĩnh

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí			
II	Nguồn ngân sách nhà nước	877	31	846
	Bổ trí chi cho các lĩnh vực:			
	Quản lý nhà nước	877	31	846
	Kinh phí thực hiện tự chủ			
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	877	31	846

Ghi chú: Đề án phát huy vai trò của Hội Luật gia theo Kế hoạch 192/KH-UBND ngày 06/5/2024: 150 triệu đồng; tăng cường hoạt động Hội Luật gia các cấp: 100 triệu đồng.

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Hội Khuyến học tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí			
II	Nguồn ngân sách nhà nước	1,212	63	1,149
	Bổ trí chi cho các lĩnh vực:			
	Quản lý nhà nước	1,212	63	1,149
	Kinh phí thực hiện tự chủ			
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	1,212	63	1,149

Ghi chú: ĐA Xây dựng XH học tập theo QĐ 387/QĐ-TTG và các nhiệm vụ vận động trao quỹ khuyến học: 500 triệu đồng;
Bổ sung kinh phí đại hội 100 triệu đồng.

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Hội Người cao tuổi tỉnh Hà Tĩnh

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí			
II	Nguồn ngân sách nhà nước	1,339	26	1,313
	Bổ trí chi cho các lĩnh vực:			
	Quản lý nhà nước	1,339	26	1,313
	Kinh phí thực hiện tự chủ			
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	1,339	26	1,313

Ghi chú: Đại hội 100 triệu đồng, công tác hội 100 triệu đồng

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Hà Tĩnh

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí			
II	Nguồn ngân sách nhà nước	508	16	492
	Bố trí chi cho các lĩnh vực:			
	Quản lý nhà nước	508	16	492
	Kinh phí thực hiện tự chủ			
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	508	16	492

Ghi chú: Kinh phí tổ chức nâng cao hiệu quả đối ngoại nhân dân trong tình hình mới 100 triệu đồng.

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí			
II	Nguồn ngân sách nhà nước	620	16	604
	Bổ trí chi cho các lĩnh vực:			
	Quản lý nhà nước	620	16	604
	Kinh phí thực hiện tự chủ			
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	620	16	604

Ghi chú: Đại hội 100 triệu đồng.

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Hội Nạn nhân chất độc Da cam/Dioxin tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí			
II	Nguồn ngân sách nhà nước	665	16	649
	Bố trí chi cho các lĩnh vực:			
	Quản lý nhà nước	665	16	649
	Kinh phí thực hiện tự chủ			
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	665	16	649

Ghi chú: Đại hội 100 triệu đồng.

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Hội Bảo trợ Người khuyết tật và trẻ mồ côi tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí			
II	Nguồn ngân sách nhà nước	786	19	767
	Bổ trí chi cho các lĩnh vực:			
	Quản lý nhà nước	786	19	767
	Kinh phí thực hiện tự chủ			
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	786	19	767

Ghi chú: Đại hội 100 triệu đồng.

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Hội Khoa học kinh tế Hà Tĩnh

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí			
II	Nguồn ngân sách nhà nước	300	30	270
	Bổ trí chi cho các lĩnh vực:			
	Quản lý nhà nước	300	30	270
	Kinh phí thực hiện tự chủ			
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	300	30	270

Ghi chú: hỗ trợ nhiệm vụ theo Thông báo 550/TB-TU ngày 26/5/2022; 87/TB-UBND ngày 01/4/2019

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Hiệp hội Doanh nghiệp Hà Tĩnh

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí			
II	Nguồn ngân sách nhà nước	200	20	180
	Bổ trí chi cho các lĩnh vực:			
	Quản lý nhà nước	200	20	180
	Kinh phí thực hiện tự chủ			
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	200	20	180

Ghi chú: hỗ trợ nhiệm vụ theo QĐ 21/2024/QĐ-UBND, QĐ 23/2024/QĐ-UBND

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Trung tâm Phát triển quỹ đất

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí			
II	Nguồn ngân sách nhà nước	5,000	500	4,500
	Bố trí chi cho các lĩnh vực:			
	Sự nghiệp kinh tế	5,000	500	4,500
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	5,000	500	4,500

Nội dung:

- Kinh phí phát triển quỹ đất và quản lý quỹ đất: 5.000 triệu đồng

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Ban Quản lý mỏ sắt Thạch Khê

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí			
II	Nguồn ngân sách nhà nước	1,205	16	1,189
	Bố trí chi cho các lĩnh vực:			
	Sự nghiệp khác	1,205	16	1,189
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1,145	16	1,129
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	60		60
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN&CĐS			

Ghi chú:

- Kinh phí quỹ lương, HD 111: 980 triệu đồng; Quỹ tiền thưởng: 60 triệu đồng.*
- Kinh phí chi thường xuyên theo định mức: 165 triệu đồng.*

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Đoàn Luật sư tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí			
II	Nguồn ngân sách nhà nước	150	15	135
	Bố trí chi cho các lĩnh vực:			
	Sự nghiệp khác	150	15	135
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	150	15	135

Ghi chú: Kinh phí thực hiện đề án hỗ trợ phát triển nghề luật sư.

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Trường Trung cấp nghề Lý Tự Trọng

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí			
II	Nguồn ngân sách nhà nước	12,000	0	12,000
	Bố trí chi cho các lĩnh vực:			
	Sự nghiệp Đào tạo	12,000		12,000
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	12,000	0	12,000

Ghi chú: Trong sự nghiệp đào tạo đã bố trí kinh phí cấp bù miễn giảm học phí 10.000 triệu đồng; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng 2.000 triệu đồng.

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Trường Chính trị Trần Phú

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí			
II	Nguồn ngân sách nhà nước	14,287	406	13,881
	Bố trí chi cho các lĩnh vực:			
	Sự nghiệp Đào tạo	14,287	406	13,881
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	10,891	115	10,776
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3,396	291	3,105

Ghi chú:

- Kinh phí quỹ lương, HĐ 111: 9.744 triệu đồng; Quỹ tiền thưởng: 486 triệu đồng.

- Kinh phí chi thường xuyên theo định mức: 1.147 triệu đồng.

- Kinh phí hợp đồng đào tạo các lớp cao cấp chính trị K71, K72: 2.110 triệu đồng; Đề án trường chuẩn, đào tạo: 800 triệu đồng.

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt - Đức

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí			
II	Nguồn ngân sách nhà nước	31,994	0	31,994
	Bố trí chi cho các lĩnh vực:			
	Sự nghiệp Đào tạo	31,994	0	31,994
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	31,994		31,994

Ghi chú:

- Kinh phí thực hiện chính sách cấp bù miễn, giảm học phí: 29.494 triệu đồng.
- Kinh phí thực hiện chính sách đào tạo sinh viên Lào: 300 triệu đồng.
- Kinh phí sửa chữa, nâng cấp: 2.200 triệu đồng.

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Trường Cao đẳng Nguyễn Du

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí			
II	Nguồn ngân sách nhà nước	15,905	54	15,851
	Bố trí chi cho các lĩnh vực:			
	Sự nghiệp Đào tạo	15,905	54	15,851
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	3,629	54	3,575
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	12,276		12,276

Ghi chú:

- Kinh phí quỹ lương, HĐ 111: 4.845 triệu đồng (Nguồn NSNN 3.085 triệu đồng; Nguồn CCTL: 1.760 triệu đồng); Quỹ tiền thưởng: 215 triệu đồng (Nguồn NSNN 137 triệu đồng; Nguồn CCTL: 78 triệu đồng).
- Kinh phí chi thường xuyên theo định mức: 544 triệu đồng.
- Kinh phí thực hiện chính sách cấp bù miễn, giảm học phí: 11.939 triệu đồng.
- Kinh phí mua sắm trang thiết bị: 200 triệu đồng.

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí			
II	Nguồn ngân sách nhà nước	28,235	0	28,235
	Bố trí chi cho các lĩnh vực:			
	Sự nghiệp Đào tạo	28,235	0	28,235
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	28,235		28,235

Ghi chú:

- Kinh phí thực hiện chính sách cấp bù miễn, giảm học phí: 12.480 triệu đồng.
- Kinh phí thực hiện chính sách đào tạo sinh viên Lào: 15.455 triệu đồng.
- Kinh phí mua sắm trang thiết bị: 300 triệu đồng.

PHỤ LỤC. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Trường Đại học Hà Tĩnh

(Kèm theo Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh)

Dvt: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
A	B	1	2	3=(1)-(2)
I	Nguồn thu phí, lệ phí			
II	Nguồn ngân sách nhà nước	44,089	220	43,869
	Bố trí chi cho các lĩnh vực:			
	Sự nghiệp Đào tạo	44,089	220	43,869
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	21,603	220	21,383
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	22,486		22,486

Phân bổ chi tiết như sau:

- Chi sự nghiệp đào tạo 44.089 triệu đồng, trong đó:
 - + VP Trường Đại học Hà Tĩnh: 36.903 triệu đồng, gồm: Quỹ lương, chi thường xuyên theo định mức: 21.603 triệu đồng; Quỹ tiền thưởng: 1.616 triệu đồng; chi bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình theo QĐ số 3065/QĐ-UBND ngày 06/12/2025 của UBND tỉnh: 2.500 triệu đồng; Kinh phí thực hiện Nghị định 116: 6.197 triệu đồng; KP đào tạo học sinh Lào: 4.687 triệu đồng; cấp bù học phí: 300 triệu đồng.
 - + Trường TH, THCS, THPT- Đại học Hà Tĩnh: 6.486 triệu đồng, gồm: KP đào tạo học sinh Lào: 989 triệu đồng; cấp bù học phí: 5.497 triệu đồng.
 - + Trường Mầm non- Đại học Hà Tĩnh: cấp bù học phí: 700 triệu đồng.
- Đơn vị tự bảo đảm từ nguồn CCTL: 13.612 triệu đồng.